

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 -3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 -5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 -7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 -28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015003 ngày 11/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Quyết định cấp phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006, Quyết định số 49/UBCK-GP ngày 05/03/2009, Quyết định số 196/UBCK-GCN ngày 05/03/2009 và các Giấy phép điều chỉnh: Giấy phép điều chỉnh số 89/GPĐC-UBCK ngày 31/05/2012; Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2014; Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK ngày 18/09/2014.

Quyết định số 97/GPĐC-UBCK ngày 04/07/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 29/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2013 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với số vốn điều lệ là 170.000.000.000 đồng. Ngày 23/09/2014 Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: National Securities Joint Stock Company, tên viết tắt là: NSI., JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 34B, Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05/09/2014
Bà Bùi Thị Việt Hà	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/05/2014, miễn nhiệm ngày 05/09/2014
Ông Nguyễn Quang Vinh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 15/05/2014
Ông Trần Việt Anh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đình Thọ	Ủy viên	

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Bà Bùi Thị Việt Hà	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/11/2014
Ông Vũ Nhữ Thăng Long	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Giám đốc CN HCM	
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Giám đốc CN HCM	Bổ nhiệm ngày 10/6/2014, miễn nhiệm ngày 18/12/2014

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Vũ Nhữ Thăng Long
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Số: 279/2015/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia

Kính gửi:**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2015 từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn Chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Trương Văn Nghĩa**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1140-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Vũ Thị Hồng Quỳnh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1969-2013-075-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		198.176.017.721	197.879.933.891
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	194.206.128.632	121.896.931.347
1. Tiền	111		194.206.128.632	121.896.931.347
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	20.536.738	15.136.088
1. Đầu tư ngắn hạn	121		32.617.684	32.617.684
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(12.080.946)	(17.481.596)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.508.387.694	75.886.113.469
1. Phải thu khách hàng	131		-	16.500.000
2. Trả trước cho người bán	132		33.000.000	55.550.000
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	5.3	2.983.394.707	70.795.687.201
5. Phải thu khác	138	5.4	491.992.987	5.018.376.268
IV- Hàng tồn kho	140		-	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		440.964.657	81.752.987
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	473.399	14.105.528
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	27.747.459
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	440.491.258	39.900.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+260)	200		4.107.935.617	4.585.914.568
II- Tài sản cố định	220		1.636.856.433	2.053.881.852
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	166.936.104	349.730.439
- Nguyên giá	222		1.128.670.106	1.233.167.016
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(961.734.002)	(883.436.577)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.469.920.329	1.704.151.413
- Nguyên giá	228		4.680.008.794	4.550.008.794
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.210.088.465)	(2.845.857.381)
V- Tài sản dài hạn khác	260		2.471.079.184	2.532.032.716
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	161.831.815	212.548.459
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	263	5.10	2.181.747.019	2.049.147.707
4. Tài sản dài hạn khác	268		127.500.350	270.336.550
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		202.283.953.338	202.465.848.459

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		52.498.551.642	60.399.593.324
I- Nợ ngắn hạn	310		52.498.551.642	60.399.593.324
3. Người mua trả tiền trước	313		50.000.000	143.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	1.576.788.702	265.228.994
5. Phải trả người lao động	315		843.373.615	413.562.452
6. Chi phí phải trả	316	5.12	97.000.000	1.365.833.333
8. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	318	5.13	49.394.086.550	53.611.215.655
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	5.14	183.917.727	4.557.628.657
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		179.577	179.577
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		353.205.471	42.944.656
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		149.785.401.696	142.066.255.135
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	149.785.401.696	142.066.255.135
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		219.857.812	219.857.812
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		528.621.659	528.621.659
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(20.963.077.775)	(28.682.224.336)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		202.283.953.338	202.465.848.459

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	TM	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
6. Chứng khoán lưu ký - Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		178.523.541.800	110.999.099.600

Người lập

Phạm Hồng Thương

Kế toán trưởng

Phạm Thị Chiến

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Phó Tổng Giám đốc



Vũ Nhữ Thăng Long

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 02-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1. Doanh thu	01	5.16	23.797.870.536	20.692.137.581
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		5.969.366.664	2.846.866.688
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		1.027.647	987.800
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		419.090.909	525.000.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		672.369.772	484.931.635
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9		16.736.015.544	16.834.351.458
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01-02)	10		23.797.870.536	20.692.137.581
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	5.17	6.562.118.844	7.675.972.817
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10-11)	20		17.235.751.692	13.016.164.764
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.18	8.673.416.350	8.195.187.579
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+25)	30		8.562.335.342	4.820.977.185
8. Thu nhập khác	31		-	-
9. Chi phí khác	32		-	-
10. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		-	-
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		8.562.335.342	4.820.977.185
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	843.188.781	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60		7.719.146.561	4.820.977.185
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	454	395

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Hồng Thương



Phạm Thị Chiến



Vũ Nhữ Thăng Long

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 03-CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.562.335.342	4.820.977.185
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	595.425.419	642.408.376
- Các khoản dự phòng	03	(5.400.650)	(3.611.949)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(753.804.225)	-
- Chi phí lãi vay	06	86.222.223	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.484.778.109	5.459.773.612
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	71.872.282.664	(64.474.472.190)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	8.588.502
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(8.601.394.263)	55.343.397.785
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	64.348.773	(48.957.931)
- Tiền lãi đã trả	13	(86.222.223)	(3.912.331.767)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(1.610.628.691)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20	71.733.793.060	(9.234.630.680)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(178.400.000)	(59.283.840)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	753.804.225	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	575.404.225	(59.283.840)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	120.000.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	50.000.000.000	5.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(50.000.000.000)	(5.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	120.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	72.309.197.285	110.706.085.480
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	121.896.931.347	11.190.845.867
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	194.206.128.632	121.896.931.347

Người lập

Phạm Hồng Thương

Kế toán trưởng

Phạm Thị Chiến

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Phó Tổng Giám đốc



Vũ Như Thăng Long

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 05-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
	01/01/2013	01/01/2014	Kỳ trước	Kỳ này	31/12/2013	31/12/2014
A	1	2	Tăng	Tăng	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	170.000.000.000	120.000.000.000	-	170.000.000.000	170.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	219.857.812	219.857.812	-	-	219.857.812	219.857.812
8. Quỹ dự phòng tài chính	528.621.659	528.621.659	-	-	528.621.659	528.621.659
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(33.503.201.521)	(28.682.224.336)	4.820.977.185	7.719.146.561	(28.682.224.336)	(20.963.077.775)
Tổng	17.245.277.950	142.066.255.135	124.820.977.185	7.719.146.561	142.066.255.135	149.785.401.696

Người lập

Phạm Hồng Thương

Phạm Hồng Thương

Kế toán trưởng

Phạm Thị Chiến

Phạm Thị Chiến

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Phó Tổng Giám đốc



Vũ Như Thăng Long

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-CTCK

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015003 ngày 11/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Quyết định cấp phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006, Quyết định số 49/UBCK-GP ngày 05/03/2009, Quyết định số 196/UBCK-GCN ngày 05/03/2009 và các giấy phép điều chỉnh: Giấy phép điều chỉnh số 89/GPĐC-UBCK ngày 31/05/2012; Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2014; Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK ngày 18/09/2014.

Quyết định số 97/GPĐC-UBCK ngày 04/07/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 29/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2013 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với số vốn điều lệ là 170.000.000.000 đồng. Ngày 23/09/2014 Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: National Securities Joint Stock Company, tên viết tắt là: NSI., JSC.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Ông Trần Việt Anh	15.300.000	153.000.000.000	90,0%
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	850.000	8.500.000.000	5,0%
Ông Nguyễn Đình Thọ	850.000	8.500.000.000	5,0%
Tổng	17.000.000	170.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 34B, Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Số lao động bình quân: 27 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán./

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2014 là môi giới chứng khoán và các dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho Công ty Chứng khoán.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị trường hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Các khoản chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chứng khoán đầu tư được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá chứng khoán được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các tài sản như sau:

Năm 2014**Số năm**

Máy móc thiết bị
Thiết bị, dụng cụ quản lý

03 - 07
03 - 05

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 08 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn khác.

Công cụ dụng cụ được phản ánh theo chi phí ban đầu và thực hiện phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02-03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 03 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi hoạt động mua và bán chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán.

Doanh thu hoạt động góp vốn, ủy thác đầu tư được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là những chức trách quản lý chủ chốt như Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-CTCK

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN,
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	100.192.345	79.179.464
Tiền gửi ngân hàng	182.055.642.396	118.467.644.936
- Trong đó: Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	49.372.405.713	28.117.999.169
Tiền đang chuyển	-	360.000.000
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	12.050.293.891	2.990.106.947
Tổng	194.206.128.632	121.896.931.347

Khối lượng, giá trị giao dịch thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm CP	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
a) Của công ty chứng khoán		
b) Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	335.983.228	4.116.196.983.500
Tổng cộng	335.983.228	4.116.196.983.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2 Đầu tư ngắn hạn

Mẫu B 09-CTCK

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng		So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	31/12/2014		01/01/2014		31/12/2014		01/01/2014		31/12/2014	
	CP	CP	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
BHS	6	6	75.660	75.660	-	-	-	-	68.400	74.400
BMC	3	3	288.800	288.800	-	-	-	-	77.700	120.900
CIC	90	90	2.398.500	2.398.500	-	-	-	-	-	-
CTN	11	11	143.040	143.040	-	-	-	-	62.700	67.100
DHA	9	9	299.700	299.700	-	-	-	-	123.300	80.100
DHI	38	38	1.795.500	1.795.500	-	-	-	-	-	-
DRC	2	2	8.850	8.850	102.150	-	-	-	111.000	78.000
EBS	20	20	174.671	174.671	-	-	-	-	174.020	166.600
GMC	6	6	134.344	134.344	75.656	-	-	-	210.000	184.200
GTA	8	8	118.560	118.560	11.040	-	-	-	129.600	88.800
HAI	16	8	108.622	108.622	115.378	-	-	-	224.000	180.000
HAS	6	6	34.450	34.450	-	-	-	-	33.600	31.200
HAX	3	3	83.077	83.077	-	-	-	-	27.900	12.600
HBC	16	15	171.690	171.690	58.710	-	-	-	230.400	219.000
HNMI	60	60	915.840	915.840	-	-	-	-	774.000	480.000
HPC	135	135	1.911.985	1.911.985	-	-	-	-	621.000	486.000
ITA	7	7	150.800	150.800	-	-	-	-	53.900	46.200
KDC	1	1	130.150	130.150	-	-	-	-	49.200	51.000
KHA	2	2	34.200	34.200	15.000	-	-	-	49.200	30.200
KHP	4	4	72.020	72.020	-	-	-	-	54.400	48.800
KLS	62	62	773.959	773.959	-	-	-	-	638.600	539.400
LAF	3	3	103.200	103.200	-	-	-	-	35.100	24.300
MHC	8	8	251.500	251.500	-	-	-	-	126.400	32.000
PET	1	1	77.050	77.050	-	-	-	-	19.700	20.800
POT	9	9	176.594	176.594	-	-	-	-	128.700	65.565
PPC	7	7	322.148	322.148	-	-	-	-	184.800	175.700
PPG	90	90	-	-	333.000	-	-	-	333.000	225.000
PVT	2	2	56.833	56.833	-	-	-	-	26.600	23.400
RAL	2	2	112.600	112.600	-	-	-	-	89.000	116.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2 Đầu tư ngắn hạn (Tiếp theo)

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán				So với giá trị tăng				Tổng giá trị theo giá thị trường			
	31/12/2014		01/01/2014		31/12/2014		01/01/2014		31/12/2014		01/01/2014		31/12/2014	
	CP	CP	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
REE	5	5	196.500	196.500	196.500	196.500	-	-	59.000	-	-	137.500	148.000	38.400
RIC	6	6	103.264	103.264	103.264	103.264	-	-	-	-	-	104.400	38.400	3.459.168
S55	96	96	1.926.144	1.926.144	1.926.144	1.926.144	-	-	-	-	-	7.371.456	456.000	50.400
S99	76	76	595.371	595.371	595.371	595.371	-	-	-	-	-	836.000	76.200	675.000
SAM	6	6	93.472	93.472	93.472	93.472	-	-	17.272	-	-	131.431	2.076.000	471.500
SAP	45	45	806.431	806.431	806.431	806.431	-	-	392.892	-	-	1.742.500	952.000	482.400
SD5	173	79	2.468.892	2.468.892	2.468.892	2.468.892	-	-	1.035.864	-	-	2.227.500	126.000	1.068.000
SD7	41	41	2.214.000	2.214.000	2.214.000	2.214.000	-	-	50.748	-	-	36.600	138.000	86.400
SD9	68	68	983.552	983.552	983.552	983.552	-	-	24.000	-	-	53.900	190.000	12.400
SIC	72	72	1.518.264	1.518.264	1.518.264	1.518.264	-	-	603.740	-	-	1.147.300	192.000	160.800
SJE	80	80	3.563.500	3.563.500	3.563.500	3.563.500	-	-	393.068	-	-	1.890.000	924.000	210.000
STB	7	7	176.748	176.748	176.748	176.748	-	-	-	-	-	12.400	111.600	99.200
STC	60	60	1.092.000	1.092.000	1.092.000	1.092.000	-	-	7.188	-	-	2.042.142	558.000	706.800
TCR	6	6	68.094	68.094	68.094	68.094	-	-	359.570	-	-	-	-	-
TMC	12	12	232.380	232.380	232.380	232.380	-	-	-	-	-	-	-	-
TPH	12	12	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
UNI	7	7	105.448	105.448	105.448	105.448	-	-	-	-	-	-	-	-
VC2	77	77	1.751.040	1.751.040	1.751.040	1.751.040	-	-	-	-	-	-	-	-
VCB	6	6	585.068	585.068	585.068	585.068	-	-	-	-	-	-	-	-
VCS	70	70	-	-	-	-	-	-	1.890.000	-	-	190.000	210.000	10.800
VIC	4	3	122.273	122.273	122.273	122.273	-	-	67.727	-	-	12.400	111.600	99.200
VIP	1	1	19.588	19.588	19.588	19.588	-	-	-	-	-	-	-	-
VSP	62	62	2.153.742	2.153.742	2.153.742	2.153.742	-	-	-	-	-	-	-	-
VTS	62	62	917.570	917.570	917.570	917.570	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng	1.681	1.577	32.617.684	32.617.684	32.617.684	32.617.684	-	-	12.080.946	-	-	24.784.876	18.226.133	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-CTCK

5.3 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu khách hàng nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	2.939.749.271	7.422.811.633
Nguyễn Thị Thanh Huyền	7.449.500	-
Nguyễn Thu Hoài	90.800.000	-
Huỳnh Thu Linh	20.700.000	-
Nguyễn Thị Minh Nguyệt	-	606.730.424
Ninh Thị Minh Khuê	57.344.472	-
Võ Thành Hưng	2.348.556.095	-
Đỗ Hữu Hào	41.420.172	-
Nguyễn Thị Bích Liên	-	1.451.799.727
Nguyễn Quang Trường	-	1.032.015.565
Trần Lan Phương	-	669.168.958
Nguyễn Anh Tuấn	-	569.902.151
Đoàn Thị Thu Phương	-	424.587.973
Phạm Thị Hồng Nhung	-	922.795.207
Lê Đình Hạnh	-	204.823.725
Nguyễn Thị Minh Tâm	-	461.417.729
Lê Thị Hạnh	-	564.265.360
Khác	373.479.032	515.304.814
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	-	62.645.713.421
Công ty TNHH Kinh Doanh Tổng hợp	-	448.696.401
Huy Hùng	-	26.471.218.009
Trần Quang Cành	-	151.686.848
Nguyễn Lan Hương	-	101.415.451
Ninh Thị Minh Khuê	-	596.324.683
Phạm Thị Phương Hiền	-	894.550.284
Lê Đình Hạnh	-	6.323.678
Nguyễn Thị Huyền	-	59.764.652
Phạm Thị Hà	-	797.480.334
Nguyễn Trọng Bộ	-	6.495.541.267
Nguyễn Thị Minh Nguyệt	-	4.096.637.836
Nguyễn Hải Dương	-	6.310.937.279
Nguyễn Anh Tuấn	-	2.753.844.164
Nguyễn Thị Phương	-	1.589.736.405
Nguyễn Quang Trường	-	1.408.606.045
Võ Thị Minh Hiếu	-	1.256.812.835
Nguyễn Thị Bích Liên	-	1.096.153.016
Phạm Thị Hồng Nhung	-	838.265.057
Nguyễn Thị Minh Tâm	-	814.531.251
Diệp Thị Thu	-	1.084.152.901
Trần Quốc Toàn	-	5.373.035.025
Các đối tượng khác	-	674.486.635
Tiền lãi dự thu - Trần Quang Cành	-	52.675.512
Phải thu khách hàng về GD chứng khoán	43.645.436	
Tổng	2.983.394.707	70.795.687.201

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-CTCK

5.4 Phải thu khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền lãi dự thu Công ty Cổ phần Tập đoàn	-	5.017.500.000
Đầu tư Việt Phương	-	-
Phải thu chi nhánh	-	-
Phải thu khác	491.992.987	876.268
Tổng	491.992.987	5.018.376.268

5.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	14.105.528	17.527.126
Tăng	548.789.545	649.601.510
Phân bổ vào chi phí trong năm	562.421.674	653.023.108
Tại ngày 31 tháng 12	473.399	14.105.528
Chi tiết theo nội dung	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	473.399	12.480.528
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	1.625.000
Tổng	473.399	14.105.528

5.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	430.491.258	39.900.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	-
Tổng	440.491.258	39.900.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-CTCK

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2014	152.896.910	1.080.270.106	1.233.167.016
Tăng trong năm	-	48.400.000	48.400.000
Mua trong năm	-	48.400.000	48.400.000
Giảm trong năm	152.896.910	-	152.896.910
Thanh lý, nhượng bán	152.896.910	-	152.896.910
Số dư tại 31/12/2014	-	1.128.670.106	1.128.670.106
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2014	145.616.104	737.820.473	883.436.577
Tăng trong năm	7.280.806	223.913.529	231.194.335
Khấu hao trong năm	7.280.806	223.913.529	231.194.335
Giảm trong năm	152.896.910	-	152.896.910
Thanh lý, nhượng bán	152.896.910	-	152.896.910
Số dư tại 31/12/2014	-	961.734.002	961.734.002
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2014	7.280.806	342.449.633	349.730.439
Tại 31/12/2014	-	166.936.104	166.936.104

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với giá trị là 0 đồng (tại ngày 31/12/2013 là: 0 đồng)

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2014	4.550.008.794	4.550.008.794
Tăng trong năm	130.000.000	130.000.000
Mua trong năm	130.000.000	130.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2014	4.680.008.794	4.680.008.794
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2014	2.845.857.381	2.845.857.381
Tăng trong năm	364.231.084	364.231.084
Khấu hao trong năm	364.231.084	364.231.084
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2014	3.210.088.465	3.210.088.465
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2014	1.704.151.413	1.704.151.413
Tại 31/12/2014	1.469.920.329	1.469.920.329

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-CTCK

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 1 tháng 1	212.548.459	160.168.930
Tăng	212.059.547	294.371.071
Phân bổ vào chi phí trong năm	262.776.191	241.991.542
Tại ngày 31 tháng 12	161.831.815	212.548.459
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí sửa chữa TSCĐ	-	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	99.455.689	132.255.312
Chi phí phần mềm Goline	16.706.941	56.803.609
Chi phí trả trước dài hạn khác	45.669.185	23.489.538
Tổng	161.831.815	212.548.459

5.10 Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền nộp ban đầu	319.929.007	319.929.007
Tiền nộp bổ sung	1.504.195.620	1.504.195.620
Tiền lãi phân bổ	357.622.392	225.023.080
Tổng	2.181.747.019	2.049.147.707

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	62.945.434	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	843.188.781	-
Thuế thu nhập cá nhân	670.654.487	265.228.994
Tổng	1.576.788.702	265.228.994

5.12 Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí thuê văn phòng	75.000.000	1.330.500.000
Thù lao HĐQT	22.000.000	35.333.333
Tổng	97.000.000	1.365.833.333

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-CTCK

5.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Kinh phí công đoàn	217.148	217.148
Bảo hiểm xã hội	-	18.987.840
Bảo hiểm y tế	-	3.560.221
Bảo hiểm thất nghiệp	-	1.582.320
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	49.372.405.713	28.117.999.169
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.463.689	25.468.868.957
<i>Ngân hàng TMCP Việt Á</i>	-	25.078.730.000
<i>- Nguyễn Chí Thành</i>	-	297.667.000
<i>- Tiền đặt cọc đấu giá</i>	-	33.540.000
<i>- Phải trả, phải nộp khác</i>	21.463.689	58.931.957
Tổng	49.394.086.550	53.611.215.655

5.14 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải trả Sở GDCK - đăng ký phát hành thêm	-	4.431.980.000
Lãi phải trả cho nhà đầu tư	183.917.727	121.609.367
Phải trả khác - Phí giao dịch trả cho nhân viên kinh doanh	-	4.039.290
Tổng	183.917.727	4.557.628.657

5.15 Vốn chủ sở hữu

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	170.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	120.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	170.000.000.000	170.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Năm 2014 Cổ phiếu	Năm 2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-CTCK

5.16 Doanh thu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	5.969.366.664	2.846.866.688
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.027.647	987.800
Doanh thu hoạt động tư vấn	419.090.909	525.000.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	672.369.772	484.931.635
Doanh thu khác (*)	16.736.015.544	16.834.351.458
Tổng	23.797.870.536	20.692.137.581

(*): Trong đó, doanh thu khác gồm:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn (**)	926.446.745	631.005.112
Doanh thu phí nhận được từ hợp đồng hợp tác với VAB (***)	13.980.176.249	10.424.737.340
Doanh thu dịch vụ nhượng quyền nhận tiền bán	1.581.882.605	459.068.194
Lãi của hợp đồng với Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Việt Phương	-	5.017.500.000
Lãi từ quỹ hỗ trợ thanh toán	132.599.312	207.133.911
Phí đóng tài khoản, lưu ký, chuyển khoản	-	2.852.106
Doanh thu khác	114.910.633	92.054.795
Tổng	16.736.015.544	16.834.351.458

(**): trong đó bao gồm lãi tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (VAB) - tài khoản 5008.0000.2833.9000 với số tiền gửi duy trì từ khoảng 80 tỷ đồng đến khoảng 120 tỷ đồng đang hưởng lãi suất là 0,5%/ năm theo Biên bản thoả thuận ngày 04/01/2014 giữa Công ty và Ngân hàng.

(***): là khoản phí nhận được từ Hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ cho vay cầm cố chứng khoán số 05012013/VAB-NSI ngày 05/01/2013 về việc Ngân hàng TMCP Việt Á đồng ý cung cấp dịch vụ cho vay cầm cố chứng khoán cho các khách hàng hiện đang mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty.

5.17 Chi phí hoạt động kinh doanh

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	3.286.979.779	1.421.329.470
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	50.674.522	40.096.668
Chi phí hoạt động tư vấn	81.318.150	58.821.995
Chi phí lưu ký chứng khoán	530.767.114	54.332.660
Chi phí lãi hợp tác	-	4.279.417.808
Chi phí lãi suất trả cho nhà đầu tư	1.480.135.963	985.950.202
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	1.132.243.316	836.024.014
Tổng	6.562.118.844	7.675.972.817

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-CTCK

5.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.401.453.277	3.800.835.408
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	202.894.708	200.752.867
Chi phí khấu hao tài sản cố định	595.425.419	730.914.022
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.253.281.880	2.939.071.833
Chi phí khác bằng tiền	1.220.361.066	523.613.449
Tổng	8.673.416.350	8.195.187.579

5.19 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.562.335.342	4.820.977.185
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	4.729.659.067	-
<i>Chuyển lỗ</i>	4.729.659.067	4.820.977.185
Thu nhập chịu thuế TNDN	3.832.676.275	4.820.977.185
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	843.188.781	-

5.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	7.719.146.561	4.820.977.185
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	7.719.146.561	4.820.977.185
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	17.000.000	12.216.438
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	454	395

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-CTCK

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2014 VND</u>	<u>Năm 2013 VND</u>
Ban Giám đốc		Lương, thưởng	1.788.472.984	1.154.730.667
Hội đồng Quản trị		Thù lao	534.722.215	382.222.215

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ 31/12/2014 VND</u>	<u>01/01/2014 VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	194.206.128.632	121.896.931.347
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.475.387.694	75.830.563.469
Đầu tư ngắn hạn khác	20.536.738	15.136.088
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Tổng cộng	197.702.053.064	197.742.630.904
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	49.578.004.277	58.168.844.312
Chi phí phải trả	97.000.000	1.365.833.333
Tổng cộng	49.675.004.277	59.534.677.645

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính (Tiếp)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phù trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-CTCK

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Khoản mục	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm - 5 năm VND	Tổng VND
CÔNG NỢ TÀI CHÍNH			
31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	49.578.004.277	-	49.578.004.277
Chi phí phải trả	97.000.000	-	97.000.000
Tổng	49.675.004.277	-	49.675.004.277
01/01/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	58.168.844.312	-	58.168.844.312
Chi phí phải trả	1.365.833.333	-	1.365.833.333
Tổng	59.534.677.645	-	59.534.677.645

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Khoản mục	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm - 5 năm VND	Tổng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	194.206.128.632	-	194.206.128.632
Đầu tư ngắn hạn khác	20.536.738	-	20.536.738
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.475.387.694	-	3.475.387.694
Cộng	197.702.053.064	-	197.702.053.064
01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.896.931.347	-	121.896.931.347
Đầu tư ngắn hạn	15.136.088	-	15.136.088
Phải thu khách hàng và phải thu khác	75.830.563.469	-	75.830.563.469
Cộng	197.742.630.904	-	197.742.630.904

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

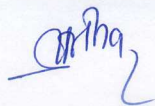
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-CTCK

6.4 Số liệu so sánh

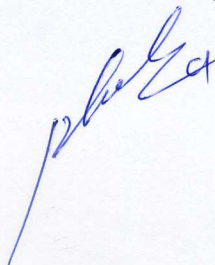
Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Người lập



Phạm Hồng Thương

Kế toán trưởng



Phạm Thị Chiến

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Phó Tổng Giám đốc



Vũ Nhữ Thăng Long